

Bản án số: 69/2023/DS-PT

Ngày: 7- 3- 2023

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Đặng Minh Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thúy Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 179/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Quốc T1, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn L, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Huỳnh Thị C1, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

2. Anh Phạm Văn U, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của anh U: Chị Nguyễn Hồng Y, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

3. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (Vắng mặt).

5. Anh Bùi Thanh C2, sinh năm 1984; địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện Đ, tỉnh C . (Có mặt).

6. Bà Hứa Mỹ N, sinh năm 1966; địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

7. Ông Nguyễn Chí H2, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C

..

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Nguyễn Chí H2: Bà T2g Thị Thúy Hằng, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

8. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (Vắng mặt).

9. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C . (Có mặt).

10. Anh Quách Văn T4, sinh năm 1973; địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh C . (Vắng mặt).

11. Ông Huỳnh Văn Q1; địa chỉ: Khóm 6, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

12. Bà Phạm Thị T5, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

13. Bà Đoàn Hồng B1, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

14. Bà Mạch Thị Bình; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

15. Bà Lư Thị B2, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (Vắng mặt).

16. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Cà Mau. Địa chỉ: Số 03, đường L, phường 5, thành phố C . (vắng mặt).

17. Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D; địa chỉ trụ sở: Khóm 1, thị t, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Phạm Văn L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lê Quốc T1 trình bày: Năm 1990 ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hồng Châu phần đất diện tích đất 21.380m². Đến năm 1996, ông tiếp tục nhận chuyển nhượng 13.380m² của ông Nguyễn Cẩm Vân nhưng để cho vợ ông là bà Nguyễn Thị H1 đứng tên. Qua 32 năm sử dụng giữa ông với cha ông L, sau này là vợ chồng ông L cũng không có tranh chấp. Nhưng năm 2019 ông L cho rằng ông lấn ranh của ông L ngang 1,0m, dài 300m. Để yên ổn làm ăn nuôi tôm công nghiệp, đồng thời có nơi rộng để cho xe cơ giới ra vào nên ông đồng ý chuyển nhượng của ông L diện tích này với giá 30.000.000 đồng, nhưng không làm giấy tờ vì tin tưởng ông L. Nhưng sau đó ông L nói không có chuyển nhượng cho ông

cũng như không có nhận tiền và tiếp tục ngăn cản không cho xe cơ giới vào cải tạo ao nuôi tôm. Đến tháng 6/2021 vợ chồng ông L kiện ông đến Ủy ban nhân dân xã để đòi lại đất vì cho rằng ông lấn chiếm ngang 7,0m, dài 400m. Sau khi hòa giải không thành, vợ chồng ông L không tiếp tục kiện ông. Vì mục đích cải tạo đất nuôi tôm nên ông kiện vợ chồng ông L đến Tòa án cũng với diện tích ngang 7,0m, dài 400m. Nhưng khi Tòa án vào thẩm định thì vợ chồng ông L nói ông lấn chiếm chiều ngang hơn 16m và chỉ ranh giới dẫn đến phần đất tranh chấp là 5.775m². Nay ông yêu cầu vợ chồng ông L, bà C1 trả lại cho ông diện tích đất trên.

Ngoài ra vợ chồng ông L, bà C1 còn mượn tiền của ông 03 lần trong năm 2019 là 54.000.000 đồng, nay ông yêu cầu vợ chồng ông L, bà C1 trả cho ông số tiền trên.

Ông Phạm Văn L và bà Huỳnh Thị C1 trình bày: Trước đây, ông T1 có mượn của vợ chồng ông bà phần đất diện tích đất ngang 7,0m, dài 400m nhưng sau đó không trả nên ông bà làm đơn khởi kiện đến Ủy ban nhân dân xã giải quyết nhưng sau đó do ông L bị bệnh, cũng như không có tiền để đi khởi kiện nên ông bà không tiếp tục khởi kiện đến Tòa án. Còn việc ông T1 cho rằng ông bà mượn 54.000.000 đồng và mua ranh đất chiều ngang 1,0m, dài 300m với giá 30.000.000 đồng là hoàn toàn không có. Ông L, bà C1 yêu cầu ông T1 trả lại diện tích đất đã mượn rồi lấn chiếm theo biên bản Tòa án thẩm định, đo đạc.

Bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông T1.

Anh Phạm Văn U, chị Phạm Thị T5 trình bày: Diện tích đất của ông T1 nhận chuyển nhượng của người khác không có ranh giới rõ ràng, còn anh L được cha mẹ cho đất có đo đạc. Vì vậy, dẫn đến việc ông T1 lấn chiếm đất của anh L. Anh, chị yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp rõ ràng, để Nhà nước bán đất của anh L để thi hành án trả nợ cho anh L, chị C1.

Ông Quách Văn T4, ông Huỳnh Văn Q1, ông Nguyễn Văn T3 trình bày: Diện tích đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng anh L được cha mẹ cho và sử dụng từ năm 2008 cho đến nay, không có tranh chấp. Nay ông T1 cho rằng anh L lấn chiếm đất của ông là không có cơ sở.

Bà Lưu Thị B2 trình bày: Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc tranh chấp đất giữa ông T1 với vợ chồng anh L cho rõ ràng để Nhà nước bán đất của vợ chồng anh L trả nợ cho bà. Còn trước khi Chi cục thi hành án vào kê biên phần đất của anh L bà có nghe anh L nói nhận 30.000.000 đồng của ông T1 để ông T1 được đưa xăng vào cải tạo, cũng như việc có mượn thêm mấy chục triệu nữa.

Anh Bùi Thanh C2, bà Hứa Mỹ N, chị T2g Thị Thúy Hằng, anh Nguyễn Văn G, bà Đoàn Hồng B1 trình bày: Yêu cầu Tòa án giải quyết nhanh chóng, rõ ràng diện tích đất tranh chấp giữa ông T1 và ông L để nhà nước bán đất của vợ chồng anh L, chị C1 trả nợ cho các ông, bà.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D trình bày: Diện tích đất của anh Phạm Văn L đang quản lý, sử dụng là 20.470m², Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dê đã kê biên vào ngày 18/3/2021 để thi hành cho 14 người được thi hành án. Quá trình kê biên không ai có ý kiến tranh chấp đối với diện tích đất này. Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D yêu cầu công nhận diện tích đất bị kê biên của anh Phạm Văn L, còn ngoài phần đất bị kê biên thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 179/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi Quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc T1. Buộc vợ chồng anh Phạm Văn L và chị Huỳnh Thị C1 trả diện tích đất 5.775m² tại các điểm 13, 14, 15, 16, 8, 25, 20, 21, 24, 917 theo sơ đồ đo đạc, thuộc thửa 134, 134A, 135, 136 tờ bản đồ số 01 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Lê Quốc T1 và bà Nguyễn Thị H1 và một phần kinh bờ cũ theo bản đồ 01, bản đồ 299, tọa lạc ấp Tân Hồng, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của vợ chồng anh Phạm Văn L và chị Huỳnh Thị C1 về việc buộc ông Lê Quốc T1 trả diện tích đất 5.775m² tại các điểm 13, 14, 15, 16, 8, 25, 20, 21, 24, 917 theo sơ đồ đo đạc, thuộc thửa 134, 134A, 135, 136 tờ bản đồ số 01 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Lê Quốc T1 và bà Nguyễn Thị H1 và một phần kinh bờ cũ theo bản đồ 01, bản đồ 299, tọa lạc ấp Tân Hồng, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo Mạnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 07/6/2022)

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc T1 về việc yêu cầu vợ chồng anh Phạm Văn L và chị Huỳnh Thị C1 trả số tiền 20.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/10/2022, ông Phạm Văn Lực kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1, buộc ông T1 trả lại cho gia đình ông bờ vuông diện tích 5.775m².

Tại phiên tòa: Ông Phạm Văn L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà C1 trình bày ý kiến tranh luận: Phần đất của vợ chồng bà đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích hơn 20 ngàn mét vuông nhưng khi đo đạc chỉ hơn 15.000m², vì sao đất của ông bà lại thiếu so với giấy chứng nhận đã cấp. Bên cạnh đó, phần đất của vợ chồng ông T1 đang sử dụng có diện tích lớn hơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Lê Quốc T1 trình bày ý kiến tranh luận: Phần đất ông L sử dụng có diện tích nhỏ hơn diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông L cùng em trai là ông U tự thỏa thuận ranh để phần diện tích đất ông U sử dụng được lớn hơn. Ông không có lấn chiếm đất của vợ chồng ông L, bà C1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:
 Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn L, sửa án sơ thẩm về cách tuyên án của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông T1 khởi kiện ông L yêu cầu giao trả phần đất diện tích 5.775m² tọa lạc ấp Tân Hồng, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau là thuộc quyền sử dụng của ông T1 .

[2] Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1 nên ông L kháng cáo. Xét kháng cáo của ông L Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Tại phiên tòa ông T1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông T1 yêu cầu tòa án công nhận phần đất tranh chấp diện tích 5.775m². Xét yêu cầu của ông Lê Quốc T1 thấy rằng: phần đất tranh chấp ông T1 đang quản lý canh tác, ông L ngăn cản không cho ông T1 đưa xáng cuốc vào để làm hầm tôm công nghiệp vì ông L cho rằng ông T1 mượn phần đất bờ của ông L ngang 7m, dài 400m nhưng khi đo đạc thì ông L chỉ sang phần đất ông T1 ngang 16m nên phần diện tích đất tranh chấp với ông L tăng lên 5.775m².

[4] Qua các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện:

[4.1] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc ngày 07/6/2022 thể hiện diện tích đất tranh chấp 5.775m² ở các thửa 134, 134A, 135, 136 tờ bản đồ số 01 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Quốc T1, bà Nguyễn Thị H1 và một phần kinh bờ cũ theo bản đồ 01, bản đồ 299, kênh bờ cũ này hiện tại do ông T1, bà H1 đang quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất tranh chấp nêu trên.

[4.2] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008, ông L được cha ruột tặng cho phần đất có diện tích là 20.470m², sau đó năm 2016 ông L tặng cho lại anh U toàn bộ diện tích. Đến năm 2018, anh U tặng cho lại anh L cũng chính phần đất này, ranh giới qua các lần tặng cho cũng không thay đổi, không có cắm cột mốc phân ranh.

[4.3] Đối với Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản ngày 18/3/2021, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D đã kê biên, đo đạc diện tích đất của anh L, chính chị C1 và anh U cùng ông T1 đã thống nhất xác định ranh giới đất của anh L cách cống xổ vuông bằng bê tông của anh L sang phần đất của ông T1 tương ứng dài là 5,09m và 5,11m. Trong khi tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ, ông T1 chỉ ranh giới đất ông L cách cống xổ của ông L là 5,83m, tức còn ít hơn và có lợi

hơn cho ông L tương ứng là 0,74m và 0,72m. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C1 xác định cơ quan Thi hành án không cho bà xác định ranh nên bà không đồng ý về diện tích đất nhưng bà có ký vào biên bản kê biên đối với cây trồng và tài sản gắn liền với đất.

Lời bà C1 trình bày phù hợp với hiện trạng phần đất chị đang quản lý, sử dụng là trên đất có nhà nhưng khi Tòa án huyện xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc thì phần đất của vợ chồng ông L, bà C1 có diện tích là 15.450,3m², phần diện tích đất có căn nhà của ông L nằm toàn bộ trên đất của anh U. Nhưng căn cứ mốc giới do cơ quan thi hành án kê biên thì diện tích đất giáp ranh giữa ông L với anh U là 5.203m², nếu cộng diện tích này với diện tích đất 15.450,3m² thì diện tích đất của anh L là 20.653,4m², lớn hơn diện tích đất anh L được cấp là 183,4m².

[5] Về thực tế quá trình quản lý sử dụng đất, phần đất tranh chấp do ông T1 quản lý sử dụng từ khi nhận chuyển nhượng đến nay đã hơn 30 năm. Ông T1 sử dụng liên tục, công khai, xây cất nhà, làm hàng rào, trồng cây, đào ao nuôi cá, vợ chồng anh L không có phản ứng gì. Anh L xác định phần đất tranh chấp trước đây cho mượn nhưng anh L cũng không có chứng cứ gì về việc cho mượn đất. Hơn nữa, theo cách xác định ranh của anh L chị C1 thì toàn bộ phần nhà của anh L chị C1 nằm trên phần đất anh U. Điều này không phù hợp với lời trình bày của chị C1 là tài sản kê biên có nhà và cây trồng của chị.

[6] Án sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của ông T1 là phù hợp. Tuy nhiên, phần đất tranh chấp do ông T1 đang quản lý sử dụng nên việc buộc ông L có nghĩa vụ giao lại phần đất tranh chấp cho ông T1 là không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông T1 yêu cầu Tòa án công nhận phần đất tranh chấp diện tích 5.775m², tọa lạc ấp Tân Hồng, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau là thuộc quyền sử dụng của ông T1. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông T1 không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1 là có căn cứ. Ông L kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông L, sửa án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Phạm Văn L không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Lưc.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 179/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc T1.

1. Công nhận phần đất diện tích đất 5.775m² tọa lạc tại ấp Tân Hồng, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau tại các điểm M13, M14, M15, M16, M8, M25, M20, M21, M24, M9, M17 thuộc quyền sử dụng của ông Lê Quốc T1 và bà Nguyễn Thị H1 và một phần kinh bờ cũ theo bản đồ 01, bản đồ 299 (Kèm theo Mảnh đo đạc chính lý thửa đất ngày 07/6/2022).

2. Không chấp nhận yêu cầu phân tố của ông Phạm Văn L và bà Huỳnh Thị C1 về việc buộc ông Lê Quốc T1 trả diện tích đất 5.775m², đất tọa lạc tại ấp Tân Hồng, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc T1 về việc yêu cầu anh Phạm Văn L và chị Huỳnh Thị C1 trả số tiền 20.000.000 đồng.

4. Về chi chi xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc, định giá tài sản: Ông Phạm Văn L và bà Huỳnh Thị C1 phải chịu, ông T1 đã nộp xong nên ông L, bà C1 có nghĩa vụ trả lại cho ông T1 số tiền là 6.415.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành án xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất chậm trả quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Phạm Văn L và bà Huỳnh Thị C1 phải chịu 300.000 đồng.
- Buộc ông Lê Quốc T1 phải chịu 1.000.000 đồng. Ông T1 đã nộp tạm ứng án phí 1.938.000 đồng, biên lai thu tiền số 0012029 ngày 17/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D, ông T1 được nhận lại số tiền chênh lệch 938.000 đồng (chín trăm ba mươi tám nghìn đồng).

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn L phải chịu 300.000đ. Ngày 10/10/2022, ông L đã nộp tạm ứng 300.000đ, biên lai thu số 0013036 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào